

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3006** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Gia Lai
giai đoạn 2011-2015 có xét đến 2020”**

830
01/01/12

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007, Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định và sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 105/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành Quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập và thẩm định quy hoạch phát triển điện lực;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tại Tờ trình số 4224/TTr-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt đề án “Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2011-2015 có xét đến năm 2020”; Văn bản góp ý số 1739/EVN-KH ngày 20 tháng 05 năm 2011 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Tờ trình số 93/CV-SCT ngày 27 tháng 3 năm 2012 của SCT Gia Lai và hồ sơ bổ sung, hiệu chỉnh đề án do Viện Năng lượng lập tháng 3 năm 2012;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án “Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2011-2015 có xét đến 2020” do Viện Năng lượng lập với các nội dung chính như sau:

1. Nhu cầu điện

Phê duyệt phương án cơ sở của dự báo nhu cầu điện đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương với tốc độ tăng trưởng GDP trong giai đoạn 2011- 2015 là 12,8%/năm và giai đoạn 2016-2020 là 12%/năm. Cụ thể như sau:

a) Năm 2015:

Công suất cực đại $P_{\max} = 205\text{MW}$, điện thương phẩm 942,9 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2011-2015 là 13,2%/năm, trong đó: Công nghiệp - Xây dựng tăng 14,0%/năm; Nông - Lâm - Thủy sản tăng 30,7%/năm; Thương mại - Dịch vụ tăng 12,2%/năm; Quản lý và Tiêu dùng dân cư tăng 11,8%/năm; Hoạt động khác tăng 18,9%/năm. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người là 665 kWh/người/năm.

b) Năm 2020:

Công suất cực đại $P_{\max} = 330\text{MW}$, điện thương phẩm 1.679,5 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 là 12,2%/năm. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người là 1.096 kWh/người/năm.

Tổng hợp nhu cầu điện của các thành phần phụ tải được trình bày chi tiết trong Phụ lục 1 kèm theo.

2. Quy hoạch phát triển lưới điện

2.1. Quan điểm thiết kế

2.1.1 Lưới điện 220, 110kV

- Cấu trúc lưới điện: Lưới điện 220-110kV được thiết kế mạch vòng hoặc mạch kép, mỗi trạm biến áp sẽ được cấp điện bằng hai đường dây đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện và chất lượng điện năng trong chế độ làm việc bình thường và sự cố đơn lẻ theo các quy định hiện hành. Lưới điện 220-110kV phải đảm bảo độ dự phòng cho phát triển ở giai đoạn kế tiếp.

- Đường dây 220-110kV: Được thiết kế nhiều mạch, ưu tiên sử dụng loại cột nhiều mạch để giảm hành lang tuyến các đường dây tải điện.

- Trạm biến áp 220-110kV: Được thiết kế với cấu hình đầy đủ tối thiểu là hai máy biến áp và có trạm 110/22kV nối cấp trong trạm biến áp 220/110kV.

- Tiết diện dây dẫn:

+ Các đường dây 220kV: Sử dụng dây dẫn có tổng tiết diện $\geq 600\text{mm}^2$, có dự phòng cho phát triển ở giai đoạn kế tiếp; Riêng đường dây đấu nối thủy điện sử dụng tiết diện 240mm^2 ;

+ Các đường dây 110kV: Sử dụng dây dẫn tiết diện $\geq 185\text{mm}^2$, đối với những nơi phụ tải tập trung ưu tiên sử dụng dây phân pha.

- Gam máy biến thế: Sử dụng gam máy biến áp công suất 125MVA và 250MVA cho cấp điện áp 220kV; 25, 40, 63MVA cho cấp điện áp 110kV; đối với các trạm phụ tải của khách hàng, gam máy đặt tùy theo quy mô công suất sử dụng. Công suất cụ thể từng trạm được chọn phù hợp với nhu cầu công suất và

đảm bảo chế độ vận hành bình thường mang tải 75% công suất định mức.

- Hỗ trợ cấp điện giữa các trạm 110kV được thực hiện bằng các đường dây mạch vòng trung thế 22kV.

2.1.2 Lưới điện trung thế

a) Cấp điện áp:

- Lưới điện 22kV được chuẩn hoá cho phát triển lưới điện trung thế trên địa bàn toàn tỉnh;

- Lưới điện 35kV phục vụ cấp điện cho các phụ tải khu vực miền núi và đầu nối các nhà máy thủy điện.

b) Cấu trúc lưới điện:

- Khu vực thành phố, khu đô thị mới, thị xã, thị trấn và các hộ phụ tải quan trọng, lưới điện được thiết kế mạch vòng, vận hành hở; khu vực nông thôn, lưới điện được thiết kế hình tia.

- Các đường trục trung thế mạch vòng ở chế độ làm việc bình thường chỉ mang tải từ 60-70% công suất so với công suất mang tải cực đại cho phép của đường dây.

- Sử dụng đường dây trên không 22kV cho đường trục và các nhánh rẽ. Tại khu vực thành phố, thị xã, thị trấn và khu vực đông dân cư, các nhánh rẽ cấp điện cho trạm biến áp chuyên dùng có thể sử dụng cáp ngầm hoặc cáp bọc cách điện, cáp vặn xoắn trên không nhằm tiết kiệm vốn đầu tư để bảo đảm an toàn và mỹ quan đô thị.

c) Tiết diện dây dẫn:

- Khu vực nội thành, nội thị, khu đô thị mới, khu du lịch, khu công nghiệp:

+ Đường trục: Sử dụng cáp ngầm tiết diện $\geq 240\text{mm}^2$ hoặc dây nhôm lõi thép bọc cách điện có tiết diện $\geq 185\text{mm}^2$;

+ Các nhánh rẽ: Sử dụng cáp ngầm hoặc dây nhôm lõi thép bọc cách điện có tiết diện $\geq 95\text{mm}^2$.

- Khu vực ngoại thành, ngoại thị và nông thôn:

+ Đường trục: dùng dây nhôm lõi thép có tiết diện đường trục $\geq 120\text{mm}^2$.

+ Đường nhánh: Dùng dây dẫn có tiết diện $\geq 70\text{mm}^2$.

d) Gam máy biến áp phân phối:

- Khu vực thành phố, thị xã, đô thị mới, thị trấn sử dụng các máy biến áp ba pha có gam công suất từ 160÷800kVA;

- Khu vực nông thôn, miền núi sử dụng các máy biến áp ba pha có gam công suất từ 50kVA÷250kVA hoặc máy biến áp 1 pha công suất 25kVA÷100kVA;

- Các trạm biến áp chuyên dùng của khách hàng được thiết kế phù hợp với quy mô phụ tải.

2.1.3 Lưới điện hạ thế

- Khu vực thành phố, thị xã, khu đô thị mới và các hộ phụ tải quan trọng: Sử dụng cáp vặn xoắn ruột nhôm (ABC), loại 4 ruột chịu lực, tiết diện đường trục $\geq 120\text{mm}^2$, tiết diện đường nhánh $\geq 70\text{mm}^2$, bán kính cấp điện $\leq 300\text{m}$.

- Khu vực ngoại thành, ngoại thị và nông thôn: Sử dụng đường dây trên không, có tiết diện đường trục $\geq 70\text{mm}^2$, tiết diện đường nhánh $\geq 50\text{mm}^2$, bán kính cấp điện $\leq 800\text{m}$.

2.2. Khối lượng xây dựng

Phê duyệt quy mô, tiến độ xây dựng các hạng mục công trình đường dây và trạm biến áp theo các giai đoạn quy hoạch như sau:

2.2.1. Lưới điện 220, 110kV

a) Giai đoạn 2011-2015

Lưới điện 220kV

Đường dây:

- Xây dựng mới đường dây 220kV mạch kép đầu nối trạm biến áp 220kV Pleiku - Kontum, chiều dài 20km, tiết diện 500mm^2 , đưa vào vận hành năm 2012;

- Cải tạo 286km tuyến đường dây 220kV, bao gồm:

+ Treo mạch hai đường dây 220kV Pleiku – KrôngBuk, tiết diện 500mm^2 , chiều dài 140km, đưa vào vận hành năm 2012;

+ Treo mạch hai đường dây 220kV An Khê – Quy Nhơn, tiết diện 500mm^2 , chiều dài 146km, đưa vào vận hành năm 2012;

Lưới điện 110kV

Trạm biến áp:

- Thực hiện các công trình đang triển khai đầu tư xây dựng theo quy hoạch giai đoạn 2006-2010, có xét đến 2015 được duyệt tại Phụ lục 2 của Quyết định này.

- Xây dựng mới 06 trạm biến áp với tổng công suất 190MVA, bao gồm:

+ Trạm biến áp 110kV Ia Grai quy mô công suất 2x25MVA, lắp trước máy T1, điện áp 110/35/22kV, đưa vào vận hành năm 2013;

+ Trạm biến áp 110kV Ia Kênh quy mô công suất 2x25MVA, lắp trước máy T1, điện áp 110/22kV, đưa vào vận hành năm 2013;

+ Trạm biến áp 110kV Krông Pa quy mô công suất 2x25MVA, lắp trước máy T1, điện áp 110/22kV, đưa vào vận hành năm 2014;

+ Trạm biến áp 110kV Đức Cơ quy mô công suất 2x25MVA, lắp trước

máy T1, điện áp 110/35/22kV, đưa vào vận hành năm 2014;

+ Trạm biến áp 110kV TĐ Sơn Lang 2 quy mô công suất 25+40MVA, trong đó máy biến áp T1 công suất 25MVA, điện áp 110/22/6,3kV để đấu nối TĐ Sơn Lang 2, máy biến áp T2 công suất 40MVA, điện áp 110/22kV để gom công suất các nhà máy TĐ nhỏ trong khu vực, đưa vào vận hành năm 2015;

+ Trạm biến áp 110kV Krông Ch'ro quy mô công suất 2x25MVA, lắp trước máy T1, điện áp 110/22kV, đưa vào vận hành năm 2015;

- Cải tạo, mở rộng 02 trạm biến áp với tổng công suất tăng thêm là 55MVA, bao gồm:

+ Trạm biến áp 110kV TĐ H'Mun, lắp thêm máy biến áp T2 công suất 40MVA, điện áp 110/35/6,3kV, nâng quy mô công suất trạm từ 25MVA lên (25+40)MVA đưa vào vận hành năm 2012;

+ Trạm biến áp 110kV Biền Hồ, thay máy T2 công suất 40MVA, điện áp 110/22kV, nâng quy mô công suất trạm từ (25+40)MVA lên (2x40)MVA, đưa vào vận hành năm 2013;

Đường dây:

- Thực hiện các công trình đang triển khai đầu tư xây dựng theo quy hoạch giai đoạn 2006-2010, có xét đến 2015 được duyệt tại Phụ lục 2 của Quyết định này.

- Xây dựng mới 205,5km đường dây 110kV, bao gồm:

+ Đường dây mạch đơn trạm 110kV TĐ Đắk Srông 3B – Ayun Pa, chiều dài 21km, tiết diện 185mm², đưa vào vận hành năm 2012;

+ Đường dây mạch đơn đầu nối trạm 110kV TĐ Đắk Srông 3A rẽ nhánh trên đường dây 110kV TĐ Đắk Srông 3B – Ayun Pa, chiều dài 1,2km, tiết diện 185mm², đưa vào vận hành năm 2013;

+ Đường dây mạch đơn trạm 110kV Ia Grai – TBA 220kV Pleiku, chiều dài 35km, tiết diện 240mm², đưa vào vận hành năm 2013;

+ Đường dây mạch đơn đầu nối trạm 110kV Ia Kênh rẽ nhánh trên đường dây 110kV trạm 110kV Diên Hồng – Chư Sê, chiều dài 5km, tiết diện 185mm², đưa vào vận hành năm 2013;

+ Đường dây mạch đơn đầu nối trạm 110kV Krông Pa rẽ nhánh trên đường dây 110kV TĐ Đắk Srông 3B – Ayun Pa, chiều dài 20km, tiết diện 185mm², đưa vào vận hành năm 2014;

+ Đường dây mạch đơn trạm 110kV Chư Prông – Đức Cơ, chiều dài 20km, tiết diện 240mm², đưa vào vận hành năm 2014;

+ Đường dây mạch đơn trạm 110kV Diên Hồng – TBA 220kV Pleiku, chiều dài 18km, tiết diện 240mm², đưa vào vận hành năm 2014;

+ Đường dây mạch đơn đầu nối trạm 110kV Mang Yang rẽ nhánh trên đường dây 110kV trạm 110kV TĐ Ayun Thượng 1A – TĐ H'Mun, chiều dài

4,3km, tiết diện 185mm², đưa vào vận hành năm 2014;

+ Đường dây mạch đơn đầu nối trạm 110kV Biển Hồ rẽ nhánh trên đường dây 110kV trạm 110kV Mang Yang – TBA 220kV Pleiku, chiều dài 2km, tiết diện 240mm², đưa vào vận hành năm 2015;

+ Đường dây mạch đơn trạm 110kV TĐ Sơn Lang 2 – K'Bang, chiều dài 27km, tiết diện 185mm², đưa vào vận hành năm 2015;

+ Đường dây mạch đơn trạm 110kV Mang Yang – An Khê, chiều dài 52km, tiết diện 240mm², đưa vào vận hành năm 2015;

Danh mục các công trình đường dây, trạm biến áp và sơ đồ đầu nối được đưa vào vận hành giai đoạn 2011-2015 chi tiết trong Phụ lục 3 và hồ sơ đề án quy hoạch.

b) Giai đoạn 2016-2020

Lưới điện 110kV

Trạm biến áp:

- Xây dựng mới 03 trạm biến áp với tổng công suất 75MVA, bao gồm:

+ Trạm biến áp 110kV Chư Păh quy mô công suất (2x25)MVA, lắp trước máy T1, điện áp 110/22kV;

+ Trạm biến áp 110kV Tây Pleiku quy mô công suất (2x25)MVA, lắp trước máy T1, điện áp 110/22kV;

+ Trạm biến áp 110kV Trà Đa quy mô công suất (2x25)MVA, lắp trước máy T1, điện áp 110/22kV;

- Cải tạo, mở rộng 04 trạm biến áp với tổng công suất tăng thêm là 93MVA, bao gồm:

+ Trạm biến áp 110kV Ia Grai, lắp thêm máy biến áp T2 công suất 25MVA, điện áp 110/35/22kV, nâng quy mô công suất trạm từ 25MVA lên (2x25)MVA;

+ Trạm biến áp 110kV An Khê, lắp thêm máy biến áp T2 công suất 25MVA, điện áp 110/35/22kV, nâng quy mô công suất trạm từ 25MVA lên (2x25)MVA;

+ Trạm biến áp 110kV Ayun Pa, thay 2 máy biến áp công suất 25MVA, điện áp 110/22kV, nâng quy mô công suất trạm từ (2x16)MVA lên (2x25)MVA;

+ Trạm biến áp 110kV Chư Sê, lắp thêm máy biến áp T2 công suất 25MVA, điện áp 110/35/22kV, nâng quy mô công suất trạm từ 16MVA lên (16+25)MVA;

Đường dây:

- Xây dựng mới 18km đường dây 110kV, bao gồm:

+ Đường dây mạch đơn đầu nối trạm 110kV Tây Pleiku rẽ nhánh trên đường dây 110kV trạm 110kV Diên Hồng – Chư Sê, chiều dài 2km, tiết diện

185mm²;

+ Đường dây mạch kép đầu nối trạm 110kV Trà Đa chuyển tiếp trên đường dây 110kV mạch đơn trạm 110kV Mang Yang – TBA 220kV Pleiku, chiều dài 2km, tiết diện 240mm²;

+ Đường dây mạch đơn trạm 110kV Ia Grai – Đức Cơ, chiều dài 14km, tiết diện 240mm²;

Danh mục công trình đường dây và trạm biến áp vận hành giai đoạn 2016-2020 chi tiết trong Phụ lục 4 kèm theo và hồ sơ đề án quy hoạch.

2.2.2 Lưới điện trung thế giai đoạn 2011-2015

Trạm biến áp:

- Xây dựng mới 658 trạm biến áp phân phối 22/0,4kV với tổng dung lượng 136,8MVA; 09 trạm biến áp 35-22/0,4kV với tổng dung lượng 1,2MVA;

- Cải tạo, nâng công suất 104 trạm biến áp 22/0,4kV với tổng dung lượng 13,71MVA.

Đường dây:

- Xây dựng mới 693,2km đường dây trung thế, trong đó: 116,9km đường dây 35kV; 576,3km đường dây 22kV.

- Cải tạo nâng tiết diện: 116,3km đường dây trung thế 22kV.

Sơ đồ và bản đồ chi tiết lưới điện trung thế theo hồ sơ quy hoạch.

2.2.3 Lưới điện hạ thế giai đoạn 2011-2015

- Đường dây: Xây dựng mới 1.330km;

- Công tơ: Lắp đặt mới 31.955 công tơ hạ thế.

Khối lượng xây dựng lưới điện hạ thế sẽ được chuẩn xác trong quy hoạch phát triển điện lực cấp huyện.

3. Vốn đầu tư thực hiện quy hoạch:

Giai đoạn 2011 - 2015 tổng vốn đầu tư xây mới, cải tạo các công trình lưới điện có cấp điện áp từ 220kV trở xuống ước tính là **2.664,3** tỷ đồng.

Trong đó: + Lưới 220kV: 716,6 tỷ đồng;

+ Lưới 110kV: 1.176,0 tỷ đồng;

+ Lưới trung thế: 505,0 tỷ đồng;

+ Lưới hạ thế: 266,7 tỷ đồng.

Vốn đã có trong kế hoạch là 2.168,8 tỷ đồng và vốn cần bổ sung là 495,5 tỷ đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức công bố công khai quy hoạch, giành quỹ đất cho các công trình trong quy hoạch đã được phê duyệt, giao Sở

Công Thương Gia Lai tổ chức triển khai lập quy hoạch phát triển điện lực các huyện, thị xã để chuẩn xác lưới điện phân phối đến từng thôn, xã, xác định rõ quy mô, tiến độ cải tạo lưới trung thế nhằm tiết kiệm vốn đầu tư và giảm tổn thất điện năng.

2. Giao Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Trung phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai để thực hiện quy hoạch. Trong quá trình đầu tư xây dựng các công trình lưới điện truyền tải và phân phối, các đơn vị điện lực cần tuân thủ đúng cấu trúc lưới điện, quy mô và cấp điện áp được phê duyệt; tuân thủ các Quy định về hệ thống điện truyền tải và Quy định về hệ thống điện phân phối đã được Bộ Công Thương ban hành.

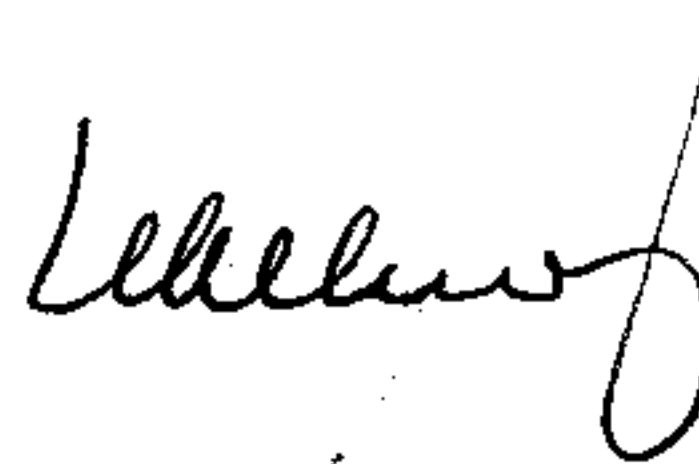
3. Sở Công Thương Gia Lai chỉ đạo Viện Năng lượng hoàn thiện đề án quy hoạch theo đúng các nội dung được phê duyệt trong Quyết định này và gửi đề án đã hoàn thiện cho Bộ Công Thương, Tổng cục Năng lượng, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Sở Công Thương Gia Lai, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Trung, Công ty Điện lực Gia Lai để quản lý và thực hiện quy hoạch. Sở Công Thương Gia Lai có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, quản lý thực hiện Quy hoạch đã được Bộ Công Thương phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng, Tổng giám đốc Tập đoàn điện lực Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KHĐT;
- UBND tỉnh Gia Lai;
- SCT Gia Lai; ✓
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN);
- Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia (NPT);
- Tổng công ty Điện lực miền Trung (CPC);
- Công ty Điện lực Gia Lai;
- Viện Năng lượng (IE);
- Lưu: VT, TCNL (02).

**KT BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hoàng Quốc Vượng